

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 10 - TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HS-ST  
Ngày 20 tháng 11 năm 2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Xuân Lâm và ông Bùi Trung Thành -  
Nghề nghiệp giáo viên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực  
10 - TH

**- Đại diện VKSND Khu vực 10 - Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà  
Hoàng Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 -  
Thanh Hoá xét xử sơ thẩm xử kín vụ án hình sự thụ lý số: 31/2025/TLST-HS  
ngày 24 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
37/2025/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Nhân T - Sinh ngày 23/10/1986 tại NX, tỉnh TH; Căn cước công dân số:  
038086015924 cấp ngày 28 tháng 6 năm 2021; Nơi thường trú và nơi ở hiện  
nay: Thôn PQ, xã NX, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thổ; giới tính  
Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 9/12;  
Con ông: Lê Nhân Thiệp (đã chết) và bà Lê Thị Toan; Vợ Lê Thị Hiệp và có 03  
con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/7/2025 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bị hại:** Lê Thị Thúy H, sinh ngày 28/9/2009

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà Lê Thị Hà, sinh năm 1984

Cùng nơi cư trú: thôn Quế Phú, xã NX, tỉnh TH.

(Đều vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lê Thị Thúy H: Ông  
Hoàng Đức Hiếu, sinh năm: 1987 – Trợ giúp viên pháp lý của chi nhánh số 4,  
thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh TH. (Có mặt)

**\* Những người làm chứng:**

1. Ông Lê Anh H, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn QP, xã NX, tỉnh TH.

2. Bà Hà Thị L, sinh năm: 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn QP, xã NX, tỉnh TH.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 07/3/2023 tại gia đình nhà anh Lê Nhân H (là bố đẻ của cháu Lê Thị Thúy H, sinh ngày 28/9/2009), Lê Nhân T đã có hành vi quan hệ tình dục với cháu Lê Thị Thúy H; trong quá trình quan hệ, do dương vật của T không cương cứng được nên T chỉ đưa dương vật chạm vào bên ngoài âm hộ của cháu H; sau đó bị phát hiện và dừng lại.

Quá trình điều tra còn xác định, trước và sau thời điểm quan hệ tình dục nêu trên, Lê Nhân T còn thực hiện hành vi dâm ô với cháu Lê Thị Thúy H nhiều lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ ngày 07/3/2023, Lê Nhân T đến nhà anh H, T thấy anh H đang bơm nước rửa sân, cháu H đang nằm võng xem điện thoại thì lúc này T đi lại võng nơi cháu H nằm rồi hôn vào má trái của cháu H. Sau đó T đi sang nhà anh Lê Nhân D ở gần nhà anh H chơi.

- Lần thứ hai: Sau khi T đi sang nhà anh Lê Nhân D ở gần nhà anh H chơi; khoảng 15 phút sau, T quay lại nhà anh H để ăn cơm, uống rượu cùng anh H và cháu H. Sau khi ăn cơm xong, cháu H ra võng nằm xem điện thoại; lúc này Lê Nhân T sau khi ăn cơm xong thì đi ra võng ngồi cùng cháu H rồi thực hiện hành vi hôn má, dùng tay sờ vào ngực và bộ phận sinh dục (T sờ bên ngoài lớp quần áo) của cháu H.

- Lần thứ ba: Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, sau khi cháu H ngủ dậy và gặp T tại cửa nhà ngang, T lại tiếp tục sờ vào ngực (T sờ bên ngoài lớp áo) cháu H rồi đi về nhà.

- Lần thứ tư: Khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi đi đá bóng về, T tiếp tục quay sang nhà anh H và thấy cháu H đang ngồi ở võng, T lại hôn vào má cháu H. Tiếp sau đó cháu H ra cổng ngồi chơi thì T đi theo và tiếp tục dùng tay sờ vào âm hộ (T sờ bên ngoài lớp quần) của cháu H. Cháu H đi vào nhà dưới (nhà ngang) và lên giường nằm đắp chăn thì T tiếp tục đi theo lên giường ngồi rồi dùng tay sờ vào ngực và bộ phận sinh dục (T sờ bên ngoài lớp quần áo) của cháu H.

Kết quả xác minh về lý lịch của người bị hại cháu Lê Thị Thúy H xác định tại thời điểm bị xâm hại tình dục là ngày 07/3/2025, cháu H mới 13 tuổi 05 tháng 07 ngày.

\* Về trưng cầu giám định pháp y về tình dục:

Ngày 08/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện NX đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 35/QĐ-CSĐT tại Trung tâm pháp y tỉnh TH, giám định Pháp y về tình dục đối với cháu Lê Thị Thúy H.

- Không tìm thấy Ethanol, Methanol trong mẫu máu của Lê Thị Thúy H.
- Không tìm thấy các chất ma túy nêu trên trong mẫu máu, nước tiểu của Lê Thị Thúy H
- Không tìm thấy thuốc kích dục nêu trên trong mẫu máu, nước tiểu của Lê Thị Thúy H.

Ngày 22/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện NX đã ra trung cầu giám định khả năng tình dục nam đối với Lê Nhân T. Ngày 03/01/2024, Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hoá đã có bản kết luận giám định khả năng tình dục nam số: 160/KLKNTD-PYTH đối với Lê Nhân T, kết luận:

“Qua quá trình khám giám định và các kết quả cận lâm sàng, các chứng cứ khách quan thu được, xác định Lê Nhân Tuyên tại thời điểm giám định có đủ khả năng sinh lý làm cương cứng dương vật để quan hệ tình dục.

\* Về giám định pháp y về tâm thần:

Ngày 31/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện NX đã ra Quyết định trung cầu giám định số 87/QĐ-CSĐT tại Viện pháp y tâm thần Trung ương, giám định Pháp y về tâm thần đối với Lê Nhân T.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số: 304/KLGD ngày 28/09/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương đối với Lê Nhân T với nội dung như sau:

“Trước, trong khi xảy ra vụ việc và tại thời điểm giám định bị cáo Lê Nhân T bị bệnh rối loạn loạn thần do sử dụng rượu. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F10.5.

Tại thời điểm trước, trong khi xảy ra vụ việc, bệnh ở giai đoạn thuyên giảm bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Tại thời điểm giám định bệnh ở giai đoạn nặng, bị cáo bị mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”

Ngày 31/5/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện NX đã ra Quyết định trung cầu giám định số 86/QĐ-CSĐT tại Viện pháp y tâm thần trung ương, giám định Pháp y về tâm thần đối với cháu Lê Thị Thúy H.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số: 345/KLGD ngày 12/10/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương đối với Lê Thị Thúy H với nội dung như sau:

“Trước, trong khi xảy ra sự việc và tại thời điểm giám định bị hại Lê Thị Thúy H bị bệnh Chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F70. Tại thời điểm trên bị hại bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”

\* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Không

\* Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, tạm giam bị cáo đã tác động đến gia đình hỗ trợ, bồi thường cho bị hại. Các bên đều cam kết việc thỏa thuận bồi thường là hoàn toàn tự nguyện, xuất phát từ nguyện vọng cá nhân và không bị ai đe dọa, ép buộc gì; đến nay bị hại, đại diện hợp cho người bị hại không đề nghị bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSKV10 ngày 23 tháng 10 năm 2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH đã truy tố Lê Nhân T về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 142 của Bộ luật Hình sự 2015 và tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Hình sự 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Nhân T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Bị hại, đại diện hợp pháp cho người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ vụ án trình bày nội dung phù hợp với Cáo trạng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng; điểm a khoản 1 Điều 142; điểm b khoản 2 Điều 146; điểm b, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 55 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a mục 6 Điều 2 Nghị Quyết 01/2018/NQHĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Lê Nhân T từ 07 năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”. Xử phạt từ 03 năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

Đề nghị trừ thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh vào thời gian chấp hành án phạt tù cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa gia đình bị cáo và đại diện gia đình bị hại đã thống nhất thỏa thuận bồi thường dân sự xong. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị không xem xét.

Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

\* Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại như sau:

Thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng, mức hình phạt của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm nhân phẩm và sự phát triển về thể chất, tình dục, gây hậu quả tâm lý lâu dài, đặc biệt trong vụ án này bị cáo

còn thực hiện hành vi phạm tội đối với người không đủ nhận thức bảo vệ bản thân vì vậy đề nghị hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đồng thời phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ sức răn đe, cải tạo và giáo dục bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa gia đình bị cáo và đại diện gia đình người bị hại đã thỏa thuận thường dân sự xong. Các nội dung khác của vụ án người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo thống nhất với bản luận tội, lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội cải tạo, sửa chữa lỗi lầm làm người công dân có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều thực hiện đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, người bị hại và đại diện hợp pháp cho người bị hại đều vắng mặt. Xét thấy lời khai và yêu cầu của những người trên đã được thu thập đầy đủ có trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Nhân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của đại diện hợp pháp cho người bị hại và người làm chứng, về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 07/3/2023 tại gia đình nhà anh Lê Nhân H (là bố đẻ của bị hại Lê Thị Thúy H, sinh ngày 28/9/2009), Lê Nhân T đã có hành vi quan hệ tình dục với cháu Lê Thị Thúy H.

Quá trình điều tra còn xác định, trước và sau thời điểm quan hệ tình dục nêu trên, Lê Nhân T còn thực hiện hành vi dâm ô với cháu Lê Thị Thúy H nhiều lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ ngày 07/3/2023, tại nhà anh H, T thấy cháu H đang nằm võng xem điện thoại thì lúc này T đi lại võng nơi cháu H nằm rồi hôn vào má trái của cháu H. Sau đó Tuyển đi sang nhà anh Lê Nhân D ở gần nhà anh H chơi.

- Lần thứ hai: Sau khi T đi sang nhà anh Lê Nhân D ở gần nhà anh H chơi; khoảng 15 phút sau, T quay lại nhà anh H để ăn cơm, uống rượu cùng anh H và cháu H. Khi T sau khi ăn cơm xong thì đi ra võng ngồi cùng cháu H rồi thực hiện hành vi hôn má, dùng tay sờ vào ngực và bộ phận sinh dục (T sờ bên ngoài lớp quần áo) của cháu H.

- Lần thứ ba: Khoảng 14 giờ cùng ngày, sau khi cháu H ngủ dậy và gặp Tuyển tại cửa nhà ngang, T lại tiếp tục sờ vào ngực (T sờ bên ngoài lớp áo) cháu H rồi đi về nhà.

- Lần thứ tư: Khoảng 18 giờ cùng ngày, sau khi đi đá bóng về, T sang nhà anh H và thấy cháu H đang ngồi ở võng, T lại hôn vào má cháu H. Sau đó cháu H ra cổng ngồi chơi thì T đi theo và tiếp tục dùng tay sờ vào âm hộ (T sờ bên ngoài lớp quần) của cháu H. Cháu H đi vào nhà dưới (nhà ngang) và lên giường nằm đắp chăn thì T tiếp tục đi theo lên giường ngồi rồi dùng tay sờ vào ngực và bộ phận sinh dục (T sờ bên ngoài lớp quần áo) của cháu H.

Bị cáo Lê Nhân T đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục và hành vi hôn, dùng tay xoa, nắn, bóp vào ngực, bộ phận sinh dục của cháu Lê Thị Thúy H; thời điểm này cháu H mới chỉ 13 tuổi 5 tháng 07 ngày và bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; do đó hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân để quan hệ tình dục và thực hiện hành vi dâm ô với cháu H.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Nhân T đã phạm vào các tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 142 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù. Tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt từ 03 năm đến 07 năm tù.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực để điều khiển hành vi của mình, nhưng vì ham muốn cá nhân thấp hèn, lợi dụng người bị hại không đủ nhận thức bảo vệ bản thân mình để phạm tội. Hành vi bị cáo là nguy hiểm gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm, nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng. Bị cáo là người đã

thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân nhận thức rõ hành vi phạm tội là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nhằm thỏa mãn ham muốn cá nhân.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bản thân bị cáo cùng gia đình khắc phục hậu quả bồi thường cho gia đình bị hại, tại thời điểm phạm tội bị cáo đang bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo được bị hại đại diện hợp pháp cho người bị hại làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét thấy bị cáo không có tiền án, tiền sự. Trong vụ án này bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy HĐXX cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, lên cho bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt đối với tội “Hiếp dâm đối với người dưới 16 tuổi”, đối với tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”, HĐXX cân nhắc đề lên cho bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của mình là phù hợp. Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng đó là, phạm tội với người khuyết tật được quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm, để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật, cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nhận thấy bị cáo Lê Nhân T bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh theo Quyết định số: 01/QĐ-VKSNX ngày 22/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NX, tỉnh TH từ ngày 23/12/2023 đến ngày 04/6/2025 được đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh theo Quyết định số: 58/QĐ - VKSNX ngày 04/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NX, tỉnh TH thời gian bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh là 01 năm 05 tháng 12 ngày. Điểm a mục 6 Điều 2 Nghị Quyết 01/2018/NQHĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Thời gian đã chấp hành hình phạt tù là thời gian người đó bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù tại các cơ sở giam giữ, hoặc thời gian người đó bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành hình phạt tù tại các cơ sở giam giữ hoặc thời gian người đó bị bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn điều tra, truy tố, truy tố, xét xử, thi hành án, không kể thời gian được tại ngoại, được hoãn, tạm đình chỉ và thời gian được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù(nếu có) được tính để trừ vào thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại”*. Do đó thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời gian bị cáo chấp hành án phạt tù là phù hợp với quy định tại Điều 49 của BLHS và điểm a mục 6 Điều 2 Nghị Quyết 01/2018/NQHĐTP ngày 24/4/2018 của Hội

đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trừ thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh vào thời gian chấp hành án phạt tù là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 142 và khoản 4 Điều 146 của Bộ luật Hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Xét thấy, bị cáo không có chức vụ, nghề nghiệp gì nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 142; điểm b khoản 2 Điều 146; các điểm b, q, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm k khoản 1 Điều 52; Điều 55 và Điều 38 BLHS.

- Tuyên bố: Lê Nhân T phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” và tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”

- Xử phạt: Lê Nhân T 07 (bảy) năm tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” và 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù. Bị cáo được trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh từ ngày 23/12/2023 đến ngày 04/6/2025. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 30/7/2025.

- Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 136; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Nhân T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Án xử kín sơ thẩm có mặt bị cáo người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại, vắng mặt bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại. Tuyên bố bị cáo, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người đại diện hợp pháp cho người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Đại diện hợp pháp cho người bị hại;
- Người bào chữa;
- VKSND KV 10 - TH;
- VKSND tỉnh TH;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TH; ( PC 11);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh TH (PC 10 );
- Cơ quan CSĐTCA tỉnh TH ( PC 02);
- TAND tỉnh TH;
- Nhà tạm giữ Công an Khu vực TX;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh TH (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- THADS TH;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Xuân Thành**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Trung Thành**

**Lê Xuân Lâm**

**Phạm Xuân Thành**









